

Số: 302 /TTYT-TCHC

Nghi Xuân, ngày 21 tháng 5 năm 2024

**BẢN CÔNG BỐ**

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là  
cơ sở hướng dẫn thực hành**

Kính gửi: Sở Y tế Hà Tĩnh.

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: **Trung tâm Y tế huyện Nghi Xuân**

Số giấy phép hoạt động số 158/HT-GPHĐ. Cơ quan cấp: Sở Y tế Hà Tĩnh.  
ngày 02 tháng 02 năm 2024.

Địa chỉ: tổ dân phố Tiên Thuận, thị trấn Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: BS CKI Lê Viết Hùng – Giám đốc Trung tâm.

Điện thoại liên hệ: 0989286338 Email: Baocaobvnx@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

**1. Đối tượng hướng dẫn thực hành:**

- Bác sỹ với phạm vi hành nghề Y khoa.
- Bác sỹ với phạm vi hành nghề Nội khoa.
- Bác sỹ với phạm vi hành nghề Ngoại khoa.
- Bác sỹ với phạm vi hành nghề Sản khoa.
- Bác sỹ với phạm vi hành nghề Nhi khoa.
- Bác sỹ với phạm vi hành nghề Răng Hàm Mặt.
- Bác sỹ với phạm vi hành nghề Y học cổ truyền.
- Điều dưỡng với phạm vi hành nghề Điều dưỡng.
- Kỹ thuật Y với phạm vi hành nghề Chẩn đoán hình ảnh
- Kỹ thuật Y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm y học.
- Kỹ thuật Y với phạm vi hành nghề Phục hồi chức năng
- Hộ sinh với phạm vi hành nghề Nữ hộ sinh.

**2. Danh sách người hướng dẫn thực hành: (Phụ lục kèm theo)**

**3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác (nếu có): Không**



**4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành:**

| STT | Đối tượng thực hành                                 | Số lượng có thể tiếp nhận |
|-----|-----------------------------------------------------|---------------------------|
| 1   | Bác sỹ với phạm vi hành nghề Y khoa                 | 30                        |
| 2   | Bác sỹ với phạm vi hành nghề Nội khoa.              | 10                        |
| 3   | Bác sỹ với phạm vi hành nghề Ngoại khoa             | 10                        |
| 4   | Bác sỹ với phạm vi hành nghề Sản khoa               | 10                        |
| 5   | Bác sỹ với phạm vi hành nghề Nhi khoa               | 10                        |
| 6   | Bác sỹ với phạm vi hành nghề Răng hàm mặt           | 10                        |
| 7   | Bác sỹ với phạm vi hành nghề Y học cổ truyền        | 10                        |
| 8   | Phạm vi hành nghề Điều dưỡng                        | 50                        |
| 9   | Kỹ thuật Y với phạm vi hành nghề Chẩn đoán hình ảnh | 20                        |
| 10  | Kỹ thuật Y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm y học   | 15                        |
| 11  | Kỹ thuật Y với phạm vi hành nghề Phục hồi chức năng |                           |
| 12  | Phạm vi hành nghề Nữ hộ sinh                        | 10                        |

**5. Chi phí hướng dẫn thực hành:**

| STT | Đối tượng thực hành                                 | Chi phí thực hành                                              |
|-----|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
| 1   | Bác sỹ với phạm vi hành nghề Y khoa                 | 450.000 đ/tháng/1 học viên x 12 tháng = 5.400.000 đ/1 học viên |
| 2   | Bác sỹ với phạm vi hành nghề Nội khoa.              | 450.000 đ/tháng/1 học viên x 12 tháng = 5.400.000 đ/1 học viên |
| 3   | Bác sỹ với phạm vi hành nghề Ngoại khoa             | 450.000 đ/tháng/1 học viên x 12 tháng = 5.400.000 đ/1 học viên |
| 4   | Bác sỹ với phạm vi hành nghề Sản khoa               | 450.000 đ/tháng/1 học viên x 12 tháng = 5.400.000 đ/1 học viên |
| 5   | Bác sỹ với phạm vi hành nghề Nhi khoa               | 450.000 đ/tháng/1 học viên x 12 tháng = 5.400.000 đ/1 học viên |
| 6   | Bác sỹ với phạm vi hành nghề Răng hàm mặt           | 450.000 đ/tháng/1 học viên x 12 tháng = 5.400.000 đ/1 học viên |
| 7   | Bác sỹ với phạm vi hành nghề Y học cổ truyền        | 450.000 đ/tháng/1 học viên x 12 tháng = 5.400.000 đ/1 học viên |
| 8   | Phạm vi hành nghề Điều dưỡng                        | 450.000 đ/tháng/1 học viên x 6 tháng = 2.700.000 đ/1 học viên  |
| 9   | Kỹ thuật Y với phạm vi hành nghề Chẩn đoán hình ảnh | 450.000 đ/tháng/1 học viên x 6 tháng = 2.700.000 đ/1 học viên  |
| 10  | Kỹ thuật Y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm y học   | 450.000 đ/tháng/1 học viên x 6 tháng = 2.700.000 đ/1 học viên  |
| 11  | Kỹ thuật Y với phạm vi hành nghề Phục hồi chức năng | 450.000 đ/tháng/1 học viên x 6 tháng = 2.700.000 đ/1 học viên  |



|    |                              |                                                                  |
|----|------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 12 | Phạm vi hành nghề Nữ hộ sinh | 450.000 đ/tháng/1 học viên x 6 tháng<br>= 2.700.000 đ/1 học viên |
|----|------------------------------|------------------------------------------------------------------|

Trung tâm Y tế huyện Nghi Xuân cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Sở Y tế Hà Tĩnh xem xét, đăng tải thông tin theo quy định.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT.

**GIÁM ĐỐC**



**Lê Viết Hùng**

A handwritten signature in blue ink is written over a faint, circular pink stamp. The signature is stylized and appears to be a single word or a short phrase. The stamp is also faint and circular, with some illegible text or a logo inside.

**PHỤ LỤC**

(Ban hành kèm theo Văn bản công bố số 302/TTYT-TCHC ngày 21 tháng 05 năm 2024 của Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Nghi Xuân về việc Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành)

| STT        | Họ và tên                                    | Văn bằng chuyên môn | CCHN               | Phạm vi hành nghề                         | Ghi chú |
|------------|----------------------------------------------|---------------------|--------------------|-------------------------------------------|---------|
| <b>I</b>   | <b>Hướng dẫn thực hành Hồi sức cấp cứu</b>   |                     |                    |                                           |         |
| 1          | Bùi Thị Quỳnh Thơ                            | BS CKI              | 0005074/HT-CCHN    | KCB đa khoa, CK Nội                       |         |
| 2          | Trần Thanh Cảnh                              | Bác sỹ              | 0002394/HT-CCHN    | KCB đa khoa- Gây mê hồi sức               |         |
| 3          | Trương Thị Tú Oanh                           | Bác sỹ              | 0006994/HT-CCHN    | Khám, chữa bệnh đa khoa                   |         |
| 4          | Vi Thị Đào                                   | Bác sỹ              | 0007350/HT-CCHN    | Khám, chữa bệnh đa khoa                   |         |
| <b>II</b>  | <b>Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Nội</b>   |                     |                    |                                           |         |
| 1          | Hoàng Đình Ngọc                              | BS CKI              | 0002078/HT-CCHN    | KCB đa khoa, CK nội.                      |         |
| 2          | Phạm Thị Hồng Lam                            | BS CKI              | 0000002134/HT-CCHN | Khám chữa bệnh CK nội                     |         |
| 3          | Trần Thị Thu Hường                           | BS CKI              | 0000002878/HT-CCHN | Khám, chữa bệnh đa khoa                   |         |
| 4          | Trần Đức Linh                                | BS CKI              | 0002456/HT-CCHN    | Khám, chữa bệnh đa khoa; CK Truyền nhiễm  |         |
| 5          | Nguyễn Thị Tịnh                              | Bác sỹ              | 0000254/HT-CCHN    | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, CK nội tiết |         |
| 6          | Lương Thị Y Thảo                             | Bác sỹ              | 0006160/HT-CCHN    | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, CK Da liễu  |         |
| <b>III</b> | <b>Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Ngoại</b> |                     |                    |                                           |         |



| STT         | Họ và tên                                           | Văn bằng chuyên môn | CCHN             | Phạm vi hành nghề                                 | Ghi chú |
|-------------|-----------------------------------------------------|---------------------|------------------|---------------------------------------------------|---------|
| 1           | Lê Viết Hùng                                        | BS CKI              | 0002100/HT-CCHN  | Khám, chữa bệnh đa khoa, CK ngoại                 |         |
| 2           | Nguyễn Hữu Thắng                                    | Bác sỹ CKI          | 0002633/HT-CCHN  | Khám chữa bệnh đa khoa, ngoại khoa                |         |
| 3           | Đặng Quốc Dũng                                      | Bác sỹ              | 0005727/HT-CCHN  | Khám, chữa bệnh đa khoa                           |         |
| <b>IV</b>   | <b>Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Sản</b>          |                     |                  |                                                   |         |
| 1           | Hoàng Thị Hồng                                      | BS CKI              | 0002120/HT-CCHN  | KCB đa khoa, CK sản, phụ khoa, siêu âm sản khoa   |         |
| 2           | Lê Thị Phương Hoa                                   | Bác sỹ              | 002874/HT-CCHN   | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa/ chuyên khoa phụ sản |         |
| 3           | Nguyễn Thị Nhật Linh                                | Bác sỹ              | 0007431/HT-CCHN  | Khám bệnh, chữa bệnh sản phụ khoa                 |         |
| <b>V</b>    | <b>Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Nhi</b>          |                     |                  |                                                   |         |
| 1           | Hà Trung Hiếu                                       | BS CKI              | 00021358/HT-CCHN | KCB đa khoa, CK Nhi                               |         |
| 2           | Trần Thị Huyền                                      | Bác sỹ              | 006157/HT-CCHN   | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, CK Nhi              |         |
| <b>VI</b>   | <b>Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Răng hàm mắt</b> |                     |                  |                                                   |         |
| 1           | Võ Lê Huy                                           | BS CKI              | 0002996/HT-CCHN  | Khám, chữa bệnh đa khoa, CK RHM                   |         |
| <b>VII</b>  | <b>Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Tai mũi họng</b> |                     |                  |                                                   |         |
| 1           | Nguyễn Đức Vui                                      | BS CKI              | 0002118/HT-CCHN  | Khám, chữa bệnh đa khoa, CK Tai, Mũi Họng         |         |
| <b>VIII</b> | <b>Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Mắt</b>          |                     |                  |                                                   |         |
| 1           | Trần Thị Tân Hương                                  | BS CKI              | 0002130/HT-CCHN  | Khám, chữa bệnh đa khoa, CK mắt                   |         |
| 2           | Nguyễn Thị Thanh Tú                                 | Bác sỹ              | 0006160/HT-CCHN  | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, CK                  |         |



| STT       | Họ và tên                                              | Văn bằng chuyên môn | CCHN            | Phạm vi hành nghề                        | Ghi chú |
|-----------|--------------------------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------------|---------|
|           |                                                        |                     |                 | mất                                      |         |
| <b>IX</b> | <b>Hướng dẫn thực hành chuyên khoa YHCT &amp; PHCN</b> |                     |                 |                                          |         |
| 1         | Hồ Duy Thương                                          | BS Thạc sỹ          | 000038/HT-CCHN  | Khám, chữa bệnh YHCT/ Phục hồi chức năng |         |
| 2         | Phạm Thị Kim Dung                                      | Bác sỹ              | 0005682/HT-CCHN | Khám, chữa bệnh YHCT, PHCN               |         |
| 3         | Lê Mỹ Linh                                             | Bác sỹ              | 0005684/HT-CCHN | Khám, chữa bệnh bằng YHCT; PHCN          |         |
| <b>X</b>  | <b>Hướng dẫn thực hành Điều dưỡng</b>                  |                     |                 |                                          |         |
| 1         | Phan Thị Hồng Thắm                                     | Cử nhân điều dưỡng  | 0002105/HT-CCHN | Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng Đại học    |         |
| 2         | Nguyễn Thị Vinh                                        | Cử nhân điều dưỡng  | 0002458/HT-CCHN | Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng Đại học    |         |
| 3         | Nguyễn Thị Hoài                                        | Cử nhân điều dưỡng  | 0002140/HT-CCHN | Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng Đại học    |         |
| 4         | Nguyễn Thị Tú                                          | Cử nhân điều dưỡng  | 0002139/HT-CCHN | Thực hiện nhiệm vụ Điều dưỡng Đại học    |         |
| 5         | Nguyễn Thị Như Na                                      | Cử nhân điều dưỡng  | 0002119/HT-CCHN | Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng Đại học    |         |
| 6         | Lê Thị Xuân                                            | Cao đẳng điều dưỡng | 0002080/HT-CCHN | Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng Cao đẳng   |         |
| 7         | Phạm Thị Hoa                                           | Cử nhân điều dưỡng  | 0005722/HT-CCHN | Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng Đại học    |         |
| 8         | Trần Thị Lệ Hằng                                       | Cử nhân điều dưỡng  | 0002106/HT-CCHN | Thực hiện nhiệm vụ Điều dưỡng hạng III   |         |
| 9         | Phạm Thị phương Lan                                    | Cử nhân Điều dưỡng  | 0002125/HT-CCHN | Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng Đại học    |         |
| 10        | Đặng Duy Anh                                           | Cử nhân Điều dưỡng  | 0006233/HT-CCHN | Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng Đại học    |         |
| 11        | Hoàng Thị Hằng                                         | Cử nhân Điều dưỡng  | 0002459/HT-CCHN | Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng Đại học    |         |
| 12        | Dương Quang Đức                                        | Cao đẳng điều dưỡng | 0002208/HT-CCHN | Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng Cao đẳng   |         |
| 13        | Nguyễn Văn Anh                                         | Cử nhân             | 0004838/HT-     | Thực hiện nhiệm vụ                       |         |



| STT                                                            | Họ và tên              | Văn bằng chuyên môn                     | CCHN            | Phạm vi hành nghề                                  | Ghi chú |
|----------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------------|---------|
|                                                                |                        | Điều dưỡng                              | CCHN            | điều dưỡng Đại học                                 |         |
| 14                                                             | Trịnh Thị Lý           | Cử nhân Điều dưỡng                      | 000308/HT-CCHN  | Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng hạng III             |         |
| <b>XI Hướng dẫn thực hành Xét nghiệm Y học</b>                 |                        |                                         |                 |                                                    |         |
| 1                                                              | Lê Thị Thùy Dung       | Kỹ thuật viên                           | 0002688/HT-CCHN | Kỹ thuật viên xét nghiệm Y học                     |         |
| 2                                                              | Hà Thị Thành           | Kỹ thuật viên                           | 002138/HT-CCHN  | Kỹ thuật viên xét nghiệm đại học                   |         |
| 3                                                              | Trần Thị Bích Ngọc     | Kỹ thuật viên                           | 002107/HT-CCHN  | Kỹ thuật viên xét nghiệm đại học                   |         |
| <b>XII Hướng dẫn thực hành Hình ảnh Y học</b>                  |                        |                                         |                 |                                                    |         |
| 1                                                              | Lê Văn Tuấn            | BS CKI                                  | 0002081/HT-CCHN | Khám, chữa bệnh CK CDHA                            |         |
| 2                                                              | Ngô Hồng Khang         | KTV                                     | 00011009NA-CCHN | KTV CDHA                                           |         |
| 3                                                              | Phạm Thanh Đức         | KTV                                     | 0006560/HT-CCHN | KTV CDHA                                           |         |
| <b>XIII Hướng dẫn thực hành Hộ sinh</b>                        |                        |                                         |                 |                                                    |         |
| 1                                                              | Nguyễn Thị Huyền Diệu  | Cử nhân Điều dưỡng chuyên ngành Phụ sản | 0002721/HT-CCHN | Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng chuyên ngành Phụ sản |         |
| 2                                                              | Nguyễn Thị Phương Thảo | Hộ sinh cao đẳng                        | 0002073/HT-CCHN | Thực hiện nhiệm vụ hộ sinh trung cấp               |         |
| <b>XIV Hướng dẫn thực hành Phục hồi chức năng (Kỹ thuật Y)</b> |                        |                                         |                 |                                                    |         |
| 1                                                              | Hồ Duy Thương          | BS Thạc sỹ                              | 000038/HT-CCHN  | Khám, chữa bệnh YHCT/ Phục hồi chức năng           |         |
| 2                                                              | Phạm Thị Kim Dung      | Bác sỹ                                  | 0005682/HT-CCHN | Khám, chữa bệnh YHCT, PHCN                         |         |
| 3                                                              | Lê Mỹ Linh             | Bác sỹ                                  | 0005684/HT-CCHN | Khám, chữa bệnh bằng YHCT; PHCN                    |         |





## KẾ HOẠCH

### Hướng dẫn thực hành khám, chữa bệnh cấp chứng chỉ hành nghề tại Trung tâm Y tế huyện Nghi Xuân

(Ban hành kèm theo văn bản công bố số 302/TTYT-TCHC ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Nghi Xuân về việc Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành)

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 30/12/2023 của Bộ Trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Trung tâm Y tế huyện Nghi Xuân lập kế hoạch đào tạo thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với các học viên tham gia học thực hành tại đơn vị như sau:

#### I. MỤC TIÊU

##### 1. Mục tiêu chung

Học viên sau quá trình thực hành sẽ có khả năng thực hiện các kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc người bệnh và kê đơn thuốc một cách chủ động, an toàn, hiệu quả cho người bệnh.

##### 2. Mục tiêu cụ thể

Nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh dựa trên cơ sở quy định tại Thông tư Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 30/12/2023 của Bộ Trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.

#### II. PHẠM VI, THỜI GIAN VÀ ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN

##### 1. Phạm vi triển khai

Các khoa lâm sàng, cận lâm sàng tại Trung tâm Y tế huyện Nghi Xuân.

##### 2. Thời gian: Năm 2024 và năm 2025.

3. Đối tượng: Học viên tốt nghiệp các trường khối ngành sức khỏe chưa trải qua thời gian thực hành có nhu cầu thực hành để cấp Giấy phép hành nghề.

#### III. NỘI DUNG HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

##### 1. Hướng dẫn các văn bản quy định pháp luật khám bệnh, chữa bệnh:

###### a. Nội dung:

- Quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh;
- Quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp;
- An toàn người bệnh;



- Kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh;

- Quy chế tổ chức, quản lý bệnh viện.

*b. Hình thức:* Lồng ghép trong quá trình thực hành lâm sàng.

## **2. Hướng dẫn thực hành lâm sàng.**

**2.1 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sỹ Y khoa:**

*a. Thời điểm và thời gian thực hành:*

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 3 tháng tại Khoa Hồi sức cấp cứu.

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 9 tháng, trong đó:

+ Khoa Nội tổng hợp: 2 tháng

+ Khoa Ngoại tổng hợp: 2 tháng

+ Khoa Sản: 1 tháng

+ Khoa Nhi: 1 tháng

+ Khoa Truyền nhiễm: 0,5 tháng

+ Khoa YHCT& PHCN: 0,5 tháng

+ Khoa Liên chuyên khoa: 2 tháng.

*b. Nội dung thực hành:*

- Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.

- Danh mục kỹ thuật trong Phụ lục V, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

**2.2 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sỹ Nội khoa:**

*a. Thời điểm và thời gian thực hành:*

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 3 tháng tại Khoa Hồi sức cấp cứu;

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 9 tháng tại khoa Nội tổng hợp;

*b. Nội dung thực hành:*

- Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa.

- Danh mục kỹ thuật trong Phụ lục V và mục II phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

**2.3 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sỹ Ngoại khoa:**

*a. Thời điểm và thời gian thực hành:*

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 3 tháng tại Khoa Hồi sức cấp cứu;

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 9 tháng tại khoa Ngoại tổng hợp;

*b. Nội dung thực hành:*

- Khám bệnh, chữa bệnh Ngoại khoa.



- Danh mục kỹ thuật trong Phụ lục V và mục XIX phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

**2.4 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sỹ Sản khoa:**

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 3 tháng tại Khoa Hồi sức cấp cứu.
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 9 tháng tại khoa Phụ sản;

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh Sản phụ khoa
- Danh mục kỹ thuật trong Phụ lục V và mục XII phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

**2.5 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sỹ Nhi khoa:**

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 3 tháng tại Khoa Hồi sức cấp cứu.
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 9 tháng tại khoa Nhi

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh Nhi khoa.
- Danh mục kỹ thuật trong Phụ lục V và mục III phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

**2.6 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sỹ Y học cổ truyền**

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 3 tháng tại Khoa Hồi sức cấp cứu.
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 9 tháng tại khoa Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng.

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền
- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục VI Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

**2.7 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sỹ Răng hàm mặt**

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 3 tháng tại Khoa Hồi sức cấp cứu.
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 9 tháng tại khoa Liên Chuyên khoa.

b. Nội dung thực hành:



- Khám bệnh, chữa bệnh răng hàm mặt
- Danh mục kỹ thuật trong Phụ lục VIII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế

**2.8 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho điều dưỡng với phạm vi hoạt động chuyên môn là Điều dưỡng.**

*a. Thời điểm và thời gian thực hành:*

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 1 tháng tại Khoa Hồi sức cấp cứu.
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 5 tháng tại khoa:
  - + Khoa Nội tổng hợp: 1 tháng
  - + Khoa Ngoại tổng hợp: 1 tháng
  - + Khoa Sản: 0,5 tháng
  - + Khoa Nhi: 0,5 tháng
  - + Khoa Truyền nhiễm: 0,5 tháng
  - + Khoa Liên chuyên khoa: 0,5 tháng.

*b. Nội dung thực hành:*

- Danh mục kỹ thuật trong Phụ lục VII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

**2.9 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm y học**

*a. Thời điểm và thời gian thực hành:*

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 1 tháng tại Khoa Hồi sức cấp cứu.
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 5 tháng tại khoa Xét nghiệm;

*b. Nội dung thực hành:*

- Danh mục kỹ thuật trong Mục II Phụ lục XIV Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

**2.10 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho kỹ thuật y với phạm vi hành nghề hình ảnh y học**

*a. Thời điểm và thời gian thực hành:*

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 1 tháng tại Khoa Hồi sức cấp cứu.
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 5 tháng tại khoa Chẩn đoán hình ảnh.

*b. Nội dung thực hành:*

- Danh mục kỹ thuật trong Mục I Phụ lục XIV Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

**2.11 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Phục hồi chức năng**

*a. Thời điểm và thời gian thực hành:*



- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 1 tháng tại Khoa Hồi sức cấp cứu.

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 5 tháng tại khoa Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng.

*b. Nội dung thực hành:*

- Danh mục kỹ thuật trong Mục III Phụ lục XIV Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

## **2.12 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho hộ sinh với phạm vi hành nghề Nữ hộ sinh**

*a. Thời điểm và thời gian thực hành:*

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 1 tháng tại Khoa Hồi sức cấp cứu.

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 5 tháng tại khoa Phụ sản;

*b. Nội dung thực hành:*

- Danh mục kỹ thuật trong Phụ lục XIII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế

## **IV. HỌC PHÍ THỰC HÀNH:**

Học phí thực hành: 540.000 đồng/học viên/tháng

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Người chịu trách nhiệm về đào tạo là Giám đốc Trung tâm Y tế:**

- Chịu trách nhiệm chung trong toàn bộ quá trình đào tạo và kết quả đào tạo tại đơn vị.

- Phê duyệt và chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo.

- Xác nhận quá trình thực hành theo quy định.

### **2. Phòng Kế hoạch nghiệp vụ**

- Xây dựng kế hoạch đào tạo thực hành trình lãnh đạo đơn vị phê duyệt. Phối hợp với các khoa liên quan xây dựng kế hoạch cụ thể cho khóa đào tạo.

- Điều phối hoạt động đào tạo thực hành.

- Đánh giá chung mức độ hoàn thành cuối khóa đào tạo của học viên.

- Phối hợp với các trường khoa đề xuất chỉnh sửa, bổ sung nội dung đào tạo phù hợp với điều kiện thực tế, trình Giám đốc phê duyệt.

- Chịu trách nhiệm báo cáo về hoạt động hướng dẫn thực hành của đơn vị.

- Tiếp nhận, lập danh sách người học thực hành và tham mưu phân công người hướng dẫn thực hành theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

- Thực hiện thủ tục cấp Giấy xác nhận quá trình thực hành cho người thực hành được cấp theo mẫu 07 quy định tại Phụ lục I Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

- Đăng công khai kế hoạch hướng dẫn thực hành trên Trang thông tin điện tử của trung tâm.



- Cập nhật trên phần mềm đào tạo hoặc các phần mềm khác theo quy định (nếu có).

**3. Người hướng dẫn thực hành tại khoa:**

- Tổ chức đào tạo và đánh giá đào tạo tại khoa.
- Trực tiếp tham gia hướng dẫn cho học viên tại khoa theo nhiệm vụ được phân công và theo chương trình đào tạo đã được xây dựng.
- Đánh giá mức độ hoàn thành của học viên.

**4. Người hướng dẫn thực hành**

- Thực hiện hướng dẫn thực hành theo khung nội dung thực hành đã được phê duyệt.
- Đánh giá, nhận xét quá trình thực hành của người thực hành.
- Việc đánh giá, nhận xét phải được thực hiện ngay sau khi người thực hành hoàn thành từng nội dung thực hành.
- Người hướng dẫn, đào tạo lý thuyết: Biên soạn tài liệu giảng dạy theo nội dung đã được phê duyệt và thường xuyên cập nhật, bổ sung nội dung bài giảng thuộc lĩnh vực phụ trách phù hợp với tình hình thực tế của ngành y tế.

**5. Các Khoa, Phòng**

Tiếp nhận và tạo điều kiện để người thực hành tham gia thực hành tại khoa trong quá trình tham gia thực hành.

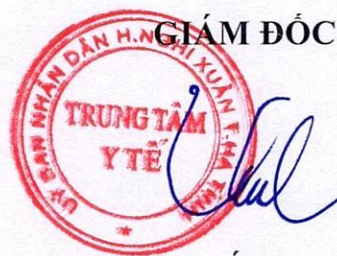
**6. Người thực hành**

Nghiêm túc thực hiện các nội dung quy Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ và các nội quy, quy chế của Trung tâm Y tế trong quá trình thực hành.

Trên đây là kế hoạch hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh cấp giấy phép hành nghề của Trung tâm Y tế huyện Nghi Xuân, yêu cầu các bộ phận nghiêm túc triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Sở Y tế;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc;
- Website Trung tâm;
- Các Khoa, Phòng, TYT;
- Lưu VT, TCHC.



**Lê Viết Hùng**



**DANH SÁCH**  
**Người thực hành khám bệnh, chữa bệnh**

1. Tên cơ sở hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh. Trung tâm Y tế huyện Nghi Xuân
2. Địa chỉ: Số 68, đường Nguyễn Du, thị trấn Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh;
3. Danh sách người thực hành khám bệnh, chữa bệnh.

| STT | Họ và tên            | Chức danh  | Thời gian đăng ký thực hành tại cơ sở thực hành |
|-----|----------------------|------------|-------------------------------------------------|
| 1   | Phan Thị Ngọc Mai    | Bác sỹ     | 18/01/2023                                      |
| 2   | Hà Thị Quỳnh Giang   | Bác sỹ     | 10/7/2022                                       |
| 3   | Hồ Thị Huyền         | Điều dưỡng | 19/7/2023                                       |
| 4   | Phan Trung Hiếu      | Bác sỹ     | 01/10/2023                                      |
| 5   | Nguyễn Hoàng Hải     | Bác sỹ     | 18/8/2023                                       |
| 6   | Hà Đức Anh           | Bác sỹ     | 17/7/2023                                       |
| 7   | Nguyễn Thị Thương    | Điều dưỡng | 25/3/2024                                       |
| 8   | Nguyễn Lê Đức        | Điều dưỡng | 13/5/2024                                       |
| 9   | Nguyễn Thị Nhật Linh | Bác sỹ     | 01/9/2023                                       |

Nghi Xuân, ngày 21 tháng 5 năm 2024

**GIÁM ĐỐC**



Lê Viết Hùng

